

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 01 - 2022

V/v “*tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tho.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Duy Thương;
2. Bà Trương Thị Kim Cương.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lệ Quân - là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 779/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 237/2021/QĐXX-ST ngày 29/12/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Đ, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn bà Trương Thị Đ thể hiện:

Bà Đ và ông Nguyễn Văn H chung sống với nhau vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ1 vào ngày 31/8/2006. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng bà sống chung với mẹ chồng. Thời gian gần đây, bà và mẹ chồng thường xuyên lời qua tiếng lại, mẹ chồng quản lý bà rất nghiêm ngặt. Còn ông H thì chỉ nghe lời mẹ đẻ, không bên vực vợ. Ngoài ra, bà và ông H còn mâu thuẫn về tiền bạc, ông H không phụ giúp bà về tài chính, tất cả đều do một mình bà lo liệu, quán xuyến. Bà và ông H vẫn sống chung nhà. Nay bà không thể tiếp sống chung với mẹ ông H, bà yêu cầu ông H ra xây nhà ở riêng, chấm dứt mâu thuẫn với mẹ chồng nhưng ông H không đồng ý. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà yêu cầu ly hôn với ông H.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Chí H, sinh ngày 30/01/2001 và Nguyễn Thị Thanh Tr, sinh ngày 03/9/2003. Hiện các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà Trương Thị Đ về thời gian chung sống; điều kiện kết hôn và con chung. Đối với yêu cầu ly hôn của bà Đ, ông có ý kiến như sau: Thực chất mâu thuẫn trong gia đình ông là mâu thuẫn giữa bà Đ và mẹ ông. Mẹ ông lớn tuổi khó tính nên giữa bà Đ và mẹ ông cũng hay cãi vã, lời qua tiếng lại. Bà Đ cho rằng ông không lo cho vợ con, ông không đồng ý. Gia đình ông có 02 dãy nhà trọ, nguồn tiền xây dựng là của mẹ ông cho và tiền ông làm tích góp. Thu nhập hàng tháng từ việc thu tiền cho thuê nhà trọ là 18.000.000 đồng đều do bà Đ thu và sử dụng vào việc nuôi con ăn học. Còn tiền ông thu nhập từ việc cho thuê xe du lịch và chạy xe hợp đồng khoảng 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng 01 tháng, ông giao cho mẹ ông quản lý. Hiện tại, vợ chồng ông vẫn sống chung nhà. Bà Đ yêu cầu ông ra cát nhà ở riêng, ông không đồng ý vì ông là con trai một trong gia đình, mẹ ông 71 tuổi cần có người sống cùng chăm sóc, phụng dưỡng. Trong quá trình Tòa án giải quyết ly hôn, ông không đồng ý do muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, bà Đ vẫn kiên quyết ly hôn nên tại phiên tòa ông đồng ý với yêu cầu của bà Đ.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Chí H, sinh ngày 30/01/2001 và Nguyễn Thị Thanh Tr, sinh ngày 03/9/2003. Hiện các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trương Thị Đ nộp đơn khởi kiện ly hôn với ông Nguyễn Văn H có địa chỉ cư trú tại xã M, huyện Đ, tỉnh Long An nên căn cứ vào Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp “ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

[2] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Bà Đ và ông H tự nguyện tiến đến hôn nhân, chung sống với nhau từ năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ1 vào ngày 31/8/2006 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Bà Đ yêu cầu ly hôn vì cho rằng ông H chỉ nghe lời mẹ đẻ, không bên vực vợ, vợ chồng mâu thuẫn về tiền bạc, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây gổ. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông H không đồng

ý ly hôn nhưng tại phiên tòa ông đồng ý.

Xét thấy, bà Đ và ông H đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và không hòa giải được. Tại phiên tòa, bà Đ vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn, ông H đồng ý. Do đó, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị Đ.

Về con chung: Bà Đ và ông H có 02 con chung tên Nguyễn Chí H, sinh ngày 30/01/2001 và Nguyễn Thị Thanh Tr, sinh ngày 03/9/2003. Hiện các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Trương Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 18, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Trương Thị Đ đối với ông Nguyễn Văn H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Đ được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Về con chung: Đã trưởng thành, Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, Tòa án không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Bà Trương Thị Đ phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà Đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009167 ngày 01/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa. Bà Đ đã nộp xong.

Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- UBND xã Đức Lập Thượng, huyện Đức Hòa *(để ghi vào sổ hộ tịch)*;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Tho